

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP THỦ ĐỨC - VNSTEEL**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(đã được soát xét)



**Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL**

KM9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

---

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-33
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-33

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel (tên cũ: Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức), tên tiếng Anh: VNSteel - Thu Duc Steel Joint Stock Company và tên viết tắt: Thép Thủ Đức - VNSteel. Công ty được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Thép Thủ Đức theo Quyết định số 2254/QĐ-BCN ngày 29 tháng 6 năm 2000 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 642/QĐ-TCLĐ ngày 21 tháng 9 năm 2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thép Thủ Đức thành Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008922 ngày 29 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần 3 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0305409326 ngày 15 tháng 04 năm 2016.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: KM9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Minh Chính	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phùng Hiền	Ủy viên
Ông Trịnh Chính Sinh	Ủy viên
Ông Lê Khắc Thành	Ủy viên
Ông Cao Anh Kiệt	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Phùng Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Cao Anh Kiệt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Dân Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Công Thành	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đoàn Hồng Hà	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Sơn	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Nguyễn Phùng Hiền

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2017

Số: 310 /2017/BC.KTTC-AASC.HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL được lập tại ngày 15 tháng 07 năm 2017, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC****Ngô Minh Quy**

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2013-002-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2017

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>376.191.204.703</b>	<b>320.786.575.303</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	3	<b>106.294.789.337</b>	<b>113.907.855.637</b>
111	1. Tiền		56.294.789.337	43.907.855.637
112	2. Các khoản tương đương tiền		50.000.000.000	70.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>120.302.819.844</b>	<b>100.577.328.052</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	122.460.891.144	102.369.714.725
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		408.030.000	95.092.600
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	285.213.000	963.835.027
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.851.314.300)	(2.851.314.300)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	7	<b>145.618.345.889</b>	<b>102.448.165.680</b>
141	1. Hàng tồn kho		145.618.345.889	102.448.165.680
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.975.249.633</b>	<b>3.853.225.934</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	3.953.038.241	3.821.874.286
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	22.211.392	31.351.648
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>59.908.672.672</b>	<b>67.567.104.756</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>57.505.584.704</b>	<b>62.145.152.405</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	57.505.584.704	62.145.152.405
222	- Nguyên giá		307.108.944.021	303.271.478.961
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(249.603.359.317)	(241.126.326.556)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	9	<b>2.403.087.968</b>	<b>5.421.952.351</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.403.087.968	5.421.952.351
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>436.099.877.375</b>	<b>388.353.680.059</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017  
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>217.937.312.139</b>	<b>172.427.861.693</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>166.939.312.139</b>	<b>121.429.861.693</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	42.701.922.650	48.449.379.495
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		13.606.883	13.606.883
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	8.331.795.008	5.416.898.403
314	4. Phải trả người lao động		11.862.027.366	11.549.599.766
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	13	8.568.058.709	3.976.355.639
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	685.717.939	463.873.676
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	90.735.342.440	51.295.444.200
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	15	2.400.000.000	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.640.841.144	264.703.631
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>50.998.000.000</b>	<b>50.998.000.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	14	50.998.000.000	50.998.000.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>218.162.565.236</b>	<b>215.925.818.366</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>218.162.565.236</b>	<b>215.925.818.366</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		122.253.930.000	122.253.930.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>122.253.930.000</i>	<i>122.253.930.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.708.334.281	17.708.334.281
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		19.752.106.672	19.752.106.672
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		58.448.194.283	56.211.447.413
421a	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>34.388.806.400</i>	<i>21.365.932.285</i>
421b	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>		<i>24.059.387.883</i>	<i>34.845.515.128</i>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>436.099.877.375</b>	<b>388.353.680.059</b>







Nguyễn Anh Kha

Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2017

Đỗ Thị Long Châu

Kế toán trưởng

Nguyễn Phùng Hiền

Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	861.257.243.473	818.219.100.443
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	3.255.886.300	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		858.001.357.173	818.219.100.443
11	4. Giá vốn hàng bán	21	800.593.516.522	760.877.374.944
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		57.407.840.651	57.341.725.499
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1.844.341.655	893.382.382
22	7. Chi phí tài chính	23	2.533.351.302	2.050.119.333
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		2.465.882.758	2.006.280.489
24	8. Chi phí bán hàng	24	6.906.776.305	8.767.041.665
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19.731.597.114	19.724.723.373
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30.080.457.585	27.693.223.510
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		-	139.898
40	13. Lợi nhuận khác		-	(139.898)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.080.457.585	27.693.083.612
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	6.021.069.702	5.550.521.823
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>24.059.387.883</u>	<u>22.142.561.789</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1.732	1.576

*AKK*

*Đỗ Thị Long Châu*



Nguyễn Anh Kha

Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2017

Đỗ Thị Long Châu

Kế toán trưởng

Nguyễn Phùng Hiền

Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		30.080.457.585	27.693.083.612
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		8.477.032.761	8.104.444.812
03	- Các khoản dự phòng		2.400.000.000	2.055.394.290
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		16.892.805	(6.944.843)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.162.147.122)	(510.972.918)
06	- Chi phí lãi vay		2.465.882.758	2.006.280.489
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		42.278.118.787	39.341.285.442
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(20.058.697.759)	(4.452.030.142)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(43.788.780.886)	(21.274.971.712)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.179.932.641	11.701.249.020
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(131.163.955)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.601.177.925)	(2.394.963.853)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.789.401.558)	(4.716.255.442)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.500.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.111.914.000)	(1.793.307.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(30.019.584.655)	16.411.006.313
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(200.000.000)	(3.906.737.787)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(40.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	40.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.504.493.345	552.733.936
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.304.493.345	(3.354.003.851)
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		442.746.520.229	283.456.486.545
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(403.306.621.989)	(299.306.904.496)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(18.338.089.500)	(17.115.550.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		21.101.808.740	(32.965.968.151)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(7.613.282.570)	(19.908.965.689)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		113.907.855.637	113.863.240.466
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		216.270	6.944.843
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>106.294.789.337</u>	<u>93.961.219.620</u>



Nguyễn Anh Kha

Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2017

Đỗ Thị Long Châu

Kế toán trưởng

Nguyễn Phùng Hiền

Tổng Giám đốc

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017*

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel (tên cũ: Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức), tên tiếng Anh: VNSteel - Thu Duc Steel Joint Stock Company và tên viết tắt: Thép Thủ Đức - VNSteel. Công ty được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Thép Thủ Đức theo Quyết định số 2254/QĐ-BCN ngày 29 tháng 6 năm 2000 của Bộ Công nghiệp và Quyết định số 642/QĐ-TCLĐ ngày 21 tháng 9 năm 2007 của Tổng Công ty Thép Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thép Thủ Đức thành Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008922 ngày 29 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần 3 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 0305409326 ngày 15 tháng 04 năm 2016.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: KM9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 122.253.930.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 122.253.930.000 đồng; tương đương 12.225.393 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh sắt, thép.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất sắt, thép, gang.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

### 2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 08 năm

## 2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

#### 2.11 . Vay

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập

#### 2.14 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

#### 2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.16 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là: Chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

## 2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

## 2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

## 2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	107.644.988	111.295.413
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	56.187.144.349	43.796.560.224
Các khoản tương đương tiền	50.000.000.000	70.000.000.000
	<u><u>106.294.789.337</u></u>	<u><u>113.907.855.637</u></u>

Tại 30/06/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,7%/năm đến 5,5%/năm.



**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	65.655.631.294	78.696.449.248
Công ty TNHH Thép Tây Đô	3.700.000.000	19.824.951.177
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	29.769.300.000	-
Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	20.187.644.950	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	3.148.314.900	3.848.314.300
	<u>122.460.891.144</u>	<u>102.369.714.725</u>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<u>119.609.576.244</u>	<u>98.818.400.425</u>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)</i>		

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	63.503.666	-	405.849.889	-
Tạm ứng	11.594.000	-	31.227.200	-
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	-	-
Phải thu tiền thuế TNCN	-	-	443.022.000	-
Phải thu khác	160.115.334	-	83.735.938	-
	<u>285.213.000</u>	<u>-</u>	<u>963.835.027</u>	<u>-</u>

**6 . NỢ XẤU**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vận tải Lợi Mỹ 2</i>	2.851.314.300	-	2.851.314.300	-
	<u>2.851.314.300</u>	<u>-</u>	<u>2.851.314.300</u>	<u>-</u>

**7 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	65.272.032.678	-	90.401.346.618	-
Công cụ, dụng cụ	287.553.938	-	237.503.775	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.483.892.672	-	1.802.519.291	-
Thành phẩm	75.589.783.777	-	9.273.305.597	-
Hàng gửi đi bán	985.082.824	-	733.490.399	-
	<u>145.618.345.889</u>	<u>-</u>	<u>102.448.165.680</u>	<u>-</u>

**8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.953.038.241	3.821.874.286
	<u><b>3.953.038.241</b></u>	<u><b>3.821.874.286</b></u>

**9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.784.487.291	1.584.487.291
Dự án di dời và xây dựng nhà máy Thép Thủ Đức	1.784.487.291	1.584.487.291
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	-	3.837.465.060
Hệ thống điều khiển điện	-	3.837.465.060
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	618.600.677	-
Chi phí sửa chữa máy cắt, bơm	395.000.000	-
Chi phí sửa chữa mái phân xưởng luyện	206.695.515	-
Chi phí sửa chữa khác	16.905.162	-
	<u><b>2.403.087.968</b></u>	<u><b>5.421.952.351</b></u>

**Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL**

KM9 Xã lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	42.138.028.976	224.832.377.692	33.328.056.060	2.973.016.233	303.271.478.961
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	3.837.465.060	-	-	3.837.465.060
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>42.138.028.976</b>	<b>228.669.842.752</b>	<b>33.328.056.060</b>	<b>2.973.016.233</b>	<b>307.108.944.021</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	35.247.290.728	177.015.154.531	26.666.150.079	2.197.731.218	241.126.326.556
- Khấu hao trong kỳ	1.046.550.508	6.261.616.145	1.070.035.716	98.830.392	8.477.032.761
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>36.293.841.236</b>	<b>183.276.770.676</b>	<b>27.736.185.795</b>	<b>2.296.561.610</b>	<b>249.603.359.317</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	6.890.738.248	47.817.223.161	6.661.905.981	775.285.015	62.145.152.405
Tại ngày cuối kỳ	<b>5.844.187.740</b>	<b>45.393.072.076</b>	<b>5.591.870.265</b>	<b>676.454.623</b>	<b>57.505.584.704</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 86.201.858.676 VND

**Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL**

KM9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH Trung Thành Thái Nguyên	7.017.744.800	7.017.744.800	12.900.888.000	12.900.888.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Hoàng Tấn Phát	4.984.303.500	4.984.303.500	7.365.433.680	7.365.433.680
Công ty TNHH Thép Huy Hoàng Gia	3.442.857.550	3.442.857.550	4.642.804.100	4.642.804.100
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn Giang Thành	4.691.951.000	4.691.951.000	2.281.865.300	2.281.865.300
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu An Hải Thành	3.598.967.900	3.598.967.900	1.777.272.200	1.777.272.200
Phải trả các đối tượng khác	18.966.097.900	18.966.097.900	19.481.116.215	19.481.116.215
	<b>42.701.922.650</b>	<b>42.701.922.650</b>	<b>48.449.379.495</b>	<b>48.449.379.495</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>3.862.997.758</b>	<b>3.862.997.758</b>	<b>3.026.985.104</b>	<b>3.026.985.104</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)

**Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL**

KM9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		2.898.392.790		7.574.256.893		6.380.722.104		-		4.091.927.579	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		303.928.972		303.928.972		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		1.746.528.543		6.021.069.702		5.789.401.558		-		1.978.196.687	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		651.296.070		802.212.475		1.371.758.545		-		81.750.000	
Thuế Tài nguyên	31.351.648		-		9.140.256		-		22.211.392		-	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-		120.681.000		2.059.239.742		-		-		2.179.920.742	
Các loại thuế khác	-		-		3.000.000		3.000.000		-		-	
	<b>31.351.648</b>		<b>5.416.898.403</b>		<b>16.772.848.040</b>		<b>13.848.811.179</b>		<b>22.211.392</b>		<b>8.331.795.008</b>	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	69.196.379	204.491.546
- Chi phí tiền điện, nước và điện thoại	3.557.594.441	3.771.864.093
- Chi phí trợ cấp nghỉ việc	1.046.909.795	-
- Chi phí khám sức khỏe	474.134.000	-
- Chi phí đồng phục	1.758.400.000	-
- Chi phí nghỉ mát	967.810.094	-
- Chi phí phải trả khác	694.014.000	-
	<b>8.568.058.709</b>	<b>3.976.355.639</b>

**14 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	211.129.309	206.653.999
- Bảo hiểm xã hội	35.559.353	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	439.029.277	257.219.677
	<b>685.717.939</b>	<b>463.873.676</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	998.000.000	998.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C(*)	50.000.000.000	50.000.000.000
	<b>50.998.000.000</b>	<b>50.998.000.000</b>

(\*) Theo Thỏa thuận hợp tác đầu tư phát triển dự án số 1064/TT-VKC ngày 29/9/2016 giữa Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel và Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO) về việc xây dựng khu phức hợp bao gồm thương mại, dịch vụ, văn phòng, chung cư và nhà biệt thự với diện tích xây dựng dự kiến là 6,3 ha tại Km9 Xa lộ Hà Nội, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền đồng ý cho việc di dời đến vị trí mới, hai bên sẽ thành lập Công ty để triển khai thực hiện dự án, với tỷ lệ góp vốn như sau:

- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel 26%
- Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO) 74%

Vốn điều lệ ban đầu là 30 tỷ đồng, sẽ được lần lượt tăng lên 670 tỷ đồng theo từng giai đoạn. Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel sẽ chuyển nhượng 26% vốn góp cho Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO) trong vòng 3 ngày kể từ REFICO nhận được Quyết định giao đất từ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện triển khai dự án. REFICO sẽ thanh toán cho Công ty 110 tỷ đồng, để đền bù giá trị khu đất. Trong vòng 7 ngày kể từ ngày ký thỏa thuận, REFICO sẽ đặt cọc 50 tỷ để đảm bảo thực hiện Thỏa thuận. Ngoại trừ các trường hợp bất khả kháng, nếu Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO) không thực hiện đúng các thỏa thuận thì sẽ mất toàn bộ số tiền đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel. Và nếu Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel không thực hiện đúng thỏa thuận thì sẽ phải hoàn trả toàn bộ khoản tiền đã nhận, đồng thời bồi thường một khoản tiền tương đương với số tiền đã nhận.

**15 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ định kỳ	2.400.000.000	-
	<b>2.400.000.000</b>	<b>-</b>

**Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL**

KM9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**16 . VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh I TP. Hồ Chí Minh <sup>(1)</sup>	13.859.842.700	13.859.842.700	260.397.053.969	246.649.893.439	27.607.003.230	27.607.003.230
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(2)</sup>	25.656.562.800	25.656.562.800	106.476.851.860	94.253.598.200	37.879.816.460	37.879.816.460
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(3)</sup>	-	-	69.373.449.750	44.124.927.000	25.248.522.750	25.248.522.750
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(4)</sup>	11.779.038.700	11.779.038.700	6.499.164.650	18.278.203.350	-	-
	<b>51.295.444.200</b>	<b>51.295.444.200</b>	<b>442.746.520.229</b>	<b>403.306.621.989</b>	<b>90.735.342.440</b>	<b>90.735.342.440</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng số 188/2016-HĐTDHM/NHCT902-THÉP THỦ ĐỨC ngày 31/10/2016 với các điều khoản chi tiết như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
  - + Thời hạn cho vay: 12 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ;
  - + Các hình thức đảm bảo tiền vay: tài sản của Công ty.
- (2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/1650371/HĐTD ngày 30/09/2016 với các điều khoản chi tiết như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở L/C để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
  - + Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ;
  - + Các hình thức đảm bảo tiền vay: tài sản của Công ty.
- (3) Hợp đồng Cấp tín dụng số 0012/KHDN12/17NH, kèm theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 01/CV-0012/KHDDN2/17NH ngày 09/02/2017 với các thông tin chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở L/C để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
  - + Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ;
  - + Các hình thức đảm bảo tiền vay: tài sản của Công ty.
- (4) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 177/2016/HDHM/CIB ngày 24/08/2016 với các điều khoản chi tiết như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
  - + Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
  - + Lãi suất cho vay: Theo từng lần nhận nợ;
  - + Các hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.





**Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL**

KM9 Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>122.253.930.000</b>	<b>17.708.334.281</b>	<b>17.708.334.281</b>	<b>18.706.614.430</b>	<b>42.731.864.571</b>	<b>201.400.743.282</b>			
Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	22.142.561.789	22.142.561.789	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(17.115.550.200)	(17.115.550.200)	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.045.492.242	-	-	(1.045.492.242)	(1.045.492.242)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(2.777.571.198)	(2.777.571.198)	-
Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(427.318.646)	(427.318.646)	-
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>122.253.930.000</b>	<b>17.708.334.281</b>	<b>17.708.334.281</b>	<b>19.752.106.672</b>	<b>43.508.494.074</b>	<b>203.222.865.027</b>			
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>122.253.930.000</b>	<b>17.708.334.281</b>	<b>17.708.334.281</b>	<b>19.752.106.672</b>	<b>56.211.447.413</b>	<b>215.925.818.366</b>			
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	24.059.387.883	24.059.387.883	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(18.338.089.500)	(18.338.089.500)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(3.484.551.513)	(3.484.551.513)	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>122.253.930.000</b>	<b>17.708.334.281</b>	<b>17.708.334.281</b>	<b>19.752.106.672</b>	<b>58.448.194.283</b>	<b>218.162.565.236</b>			

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 660/NQ-VKC ngày 05/04/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00	56.211.447.413
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6,20	3.484.551.513
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.500 đ)	32,62	18.338.089.500
Lợi nhuận chưa phân phối	61,18	34.388.806.400

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	30/06/2017 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2017 VND
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	65,00	79.465.100.000	65,00	79.465.100.000
Công ty Cổ phần Gemadept	10,90	13.321.950.000	10,90	13.321.950.000
Ông Lê Bá Phương	7,02	8.576.740.000	7,02	8.576.740.000
Các cổ đông khác	17,08	20.890.140.000	17,08	20.890.140.000
	<b>100,00</b>	<b>122.253.930.000</b>	<b>100,00</b>	<b>122.253.930.000</b>

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo danh sách cổ đông tại ngày 30/06/2017 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán cấp.

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2017 VND	06 tháng đầu năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	122.253.930.000	122.253.930.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	122.253.930.000	122.253.930.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	122.253.930.000	122.253.930.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.338.089.500	17.115.550.200
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	18.338.089.500	17.115.550.200

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.225.393	12.225.393
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.225.393	12.225.393
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.225.393	12.225.393
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.225.393	12.225.393
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.225.393	12.225.393

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

**e) Các quỹ công ty**

	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	19.752.106.672	19.752.106.672
	<b>19.752.106.672</b>	<b>19.752.106.672</b>

**18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại

	Ký hiệu	30/06/2017	01/01/2017
Đô la Mỹ	USD	4.325,40	4.325,40

**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	860.957.243.473	818.219.100.443
Doanh thu cung cấp dịch vụ	300.000.000	-
	<b>861.257.243.473</b>	<b>818.219.100.443</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 34)	853.178.203.183	750.511.690.213

**20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	3.190.210.000	-
Giảm giá hàng bán	65.676.300	-
	<b>3.255.886.300</b>	<b>-</b>

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán	800.593.516.522	760.877.374.944
	<b>800.593.516.522</b>	<b>760.877.374.944</b>

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.162.147.122	510.972.918
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	666.267.060	345.515.463
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	15.927.473	29.949.158
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	6.944.843
	<b>1.844.341.655</b>	<b>893.382.382</b>

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.465.882.758	2.006.280.489
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	50.575.739	43.838.844
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	16.892.805	-
	<b><u>2.533.351.302</u></b>	<b><u>2.050.119.333</u></b>

**24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.311.857.721	2.811.129.697
Chi phí khác bằng tiền	3.594.918.584	5.955.911.968
	<b><u>6.906.776.305</u></b>	<b><u>8.767.041.665</u></b>

**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	787.946.831	616.477.585
Chi phí nhân công	7.137.979.487	8.108.132.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	272.520.318	415.206.935
Thuế, phí, lệ phí	2.127.602.454	4.634.810.520
Chi phí dự phòng	-	855.394.290
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.151.364.892	1.448.120.902
Chi phí khác bằng tiền	8.254.183.132	3.646.581.048
	<b><u>19.731.597.114</u></b>	<b><u>19.724.723.373</u></b>

**26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.080.457.585	27.693.083.612
Các khoản điều chỉnh tăng	24.890.925	59.525.503
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	30.105.348.510	27.752.609.115
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>6.021.069.702</u></b>	<b><u>5.550.521.823</u></b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.746.528.543	3.244.227.224
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(5.789.401.558)	(4.716.255.442)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b><u>1.978.196.687</u></b>	<b><u>4.078.493.605</u></b>

**27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	24.059.387.883	22.142.561.789
Các khoản điều chỉnh	(2.887.126.545)	(2.878.533.033)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(2.887.126.545)	(2.878.533.033)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	21.172.261.338	19.264.028.756
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	12.225.393	12.225.393
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.732</b>	<b>1.576</b>

Quỹ Khen thưởng phúc lợi được dự kiến trích theo mức 12% lợi nhuận sau thuế của kỳ này dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 660/NQ-VKC ngày 05/04/2017.

**28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	724.565.565.828	624.250.277.731
Chi phí nhân công	38.305.647.438	37.541.096.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.477.032.761	8.104.444.812
Chi phí dịch vụ mua ngoài	106.340.260.030	99.975.412.138
Chi phí khác bằng tiền	17.541.235.445	9.602.493.016
	<b>895.229.741.502</b>	<b>779.473.723.697</b>

**29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	106.294.789.337	-	113.907.855.637	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	122.746.104.144	(2.851.314.300)	103.333.549.752	(2.851.314.300)
	<b>229.040.893.481</b>	<b>(2.851.314.300)</b>	<b>217.241.405.389</b>	<b>(2.851.314.300)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	90.735.342.440	51.295.444.200
Phải trả người bán, phải trả khác	94.385.640.589	99.911.253.171
Chi phí phải trả	8.568.058.709	3.976.355.639
	<b>193.689.041.738</b>	<b>155.183.053.010</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	106.294.789.337	-	-	106.294.789.337
Phải thu khách hàng, phải thu khác	119.894.789.844	-	-	119.894.789.844
	<b>226.189.579.181</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>226.189.579.181</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	113.907.855.637	-	-	113.907.855.637
Phải thu khách hàng, phải thu khác	100.482.235.452	-	-	100.482.235.452
	<b>214.390.091.089</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>214.390.091.089</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2017</b>				
Vay và nợ	90.735.342.440	-	-	90.735.342.440
Phải trả người bán, phải trả khác	43.387.640.589	50.998.000.000	-	94.385.640.589
Chi phí phải trả	8.568.058.709	-	-	8.568.058.709
	<u>142.691.041.738</u>	<u>50.998.000.000</u>	<u>-</u>	<u>193.689.041.738</u>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	51.295.444.200	-	-	51.295.444.200
Phải trả người bán, phải trả khác	48.913.253.171	50.998.000.000	-	99.911.253.171
Chi phí phải trả	3.976.355.639	-	-	3.976.355.639
	<u>104.185.053.010</u>	<u>50.998.000.000</u>	<u>-</u>	<u>155.183.053.010</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**30 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**a) Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	442.746.520.229	283.456.486.545

**b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	403.306.621.989	299.306.904.496

**31 . THÔNG TIN KHÁC**

Công ty Cổ phần thép Thủ Đức - VNSTEEL đang tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định nhằm thực hiện di dời nhà máy thép.

**32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất thép và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
		2017	2016
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>853.178.203.183</b>	<b>750.511.690.213</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	718.698.859.183	661.432.729.182
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hà Nội - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	-	6.000.926.400
Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	414.000.000	-
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	36.986.533.000	-
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ	76.575.984.500	68.709.888.800
Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	20.472.006.000	14.368.145.831
Công ty Cổ phần Thép Tân Thuận	Công ty liên kết của Công ty mẹ	30.820.500	-
<b>Lãi bán hàng trả chậm</b>		<b>666.267.060</b>	<b>335.369.819</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	193.696.136	295.208.999
Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	472.570.924	40.160.820
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>		<b>64.193.234.434</b>	<b>94.727.194.825</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	711.396.675	330.990.110
Công ty Cổ phần Kim khí TP.Hồ Chí Minh - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	2.850.839.139	380.329.958
Công ty Cổ phần Kim khí TP.Hà Nội - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	50.912.390.500	58.495.268.800



	Mối quan hệ	06 tháng đầu năm 2017 VND	06 tháng đầu năm 2016 VND
Công ty Cổ phần Thép Vicasa - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	140.000.000	476.194.000
Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	-	26.849.004.750
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ	3.910.765.000	1.968.851.000
Công ty Cổ phần Tân Thành Mỹ	Công ty liên kết của Công ty mẹ	3.190.708.200	2.837.407.600
Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Nam Ứng	Công ty liên kết của Công ty mẹ	2.201.090.000	2.979.550.000
Công ty TNHH Nippovina	Công ty liên kết của Công ty mẹ	199.389.920	284.780.880
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ	76.655.000	101.095.000
Khách sạn Phương Nam	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	23.722.727
<b>Chi phí sử dụng thương hiệu chữ V</b>		<b>3.574.918.584</b>	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	3.574.918.584	-
<b>Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:</b>			
	Mối quan hệ	30/06/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>		<b>119.609.576.244</b>	<b>98.818.400.425</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	65.655.631.294	78.696.449.248
Chi nhánh Nhơn Trạch - Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè	Cùng Công ty mẹ	29.769.300.000	-
Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	3.700.000.000	19.824.951.177
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ	297.000.000	297.000.000
Công ty TNHH Thép Vina Kyoeci	Công ty liên kết của Công ty mẹ	20.187.644.950	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		<b>145.476.210</b>	<b>64.376.430</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	49.515.439	38.657.742
Công ty TNHH Thép Tây Đô	Công ty liên kết của Công ty mẹ	95.960.771	25.718.688
<b>Ứng trước cho người bán ngắn hạn</b>		<b>72.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Miền Nam	Công ty liên kết của Công ty mẹ	72.000.000	-

	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
		VND	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		<b>3.862.997.758</b>	<b>3.026.985.104</b>
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	757.407.992	726.787.094
Công ty Cổ phần Kim khí TP.Hà Nội - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	797.770.600	990.676.500
Công ty Cổ phần Kim khí TP.Hồ Chí Minh - VNSTEEL	Cùng Công ty mẹ	110.167.996	-
Công ty TNHH Vật liệu chịu lửa Nam Ứng	Công ty liên kết của Công ty mẹ	484.594.000	455.169.000
Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ	5.989.500	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ	1.018.391.000	132.792.000
Công ty Cổ phần Tân Thành Mỹ	Công ty liên kết của Công ty mẹ	688.676.670	721.560.510

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2017	06 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.394.343.000	2.093.207.000



### 35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

Nguyễn Anh Kha  
 Người lập  
 Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2017

Đỗ Thị Long Châu  
 Kế toán trưởng



Nguyễn Phùng Hiền  
 Tổng Giám đốc